

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Chính sách và giải pháp thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động thể dục thể thao ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030

Mã số: KX.01.38/16-20

Thuộc:

- Chương trình “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội” mã số KX.01/16-20

- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung của đề tài là:

- Làm rõ cơ sở lý luận về chính sách và thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động TDTT ở các trung tâm văn hóa đô thị.

- Đánh giá thực trạng chính sách và thích ứng TDTT đối với người khuyết tật ở các trung tâm văn hóa đô thị.

- Dự báo và đề xuất chính sách, giải pháp thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động TDTT ở các trung tâm văn hóa đô thị cho tới năm 2030.

Theo đó, các *mục tiêu cụ thể* bao gồm:

- Cơ sở khoa học nghiên cứu về thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động TDTT.

- Cơ sở khoa học về chính sách thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động TDTT.

- Kinh nghiệm chính sách TDTT đối với người khuyết tật của một số quốc gia trên thế giới và bài học áp dụng cho Việt Nam.

- Đánh giá khả năng, nhu cầu, thực trạng và những điều kiện bảo đảm tham gia hoạt động TDTT của người khuyết tật ở các trung tâm văn hóa đô thị.

- Thực trạng chính sách thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động TDTT từ năm 2011 (từ khi Luật người khuyết tật có hiệu lực) đến nay.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng TDTT của người khuyết tật ở các trung tâm văn hóa đô thị.

- Dự báo triển vọng phát triển TDDT thích ứng cho người khuyết tật ở các trung tâm đô thị cho tới năm 2030.

- Đề xuất chính sách, giải pháp thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động TDDT ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Đặng Văn Dũng

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

5. Tổng kinh phí thực hiện: 2.730 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 2.730 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 6/2018

Kết thúc: 6/2020

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):
Thời gian gia hạn đến 9/2020.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1.	Đặng Văn Dũng	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Trường Đại học TDDT Bắc Ninh
2.	Đinh Thị Mai Anh	Tiến sĩ	Trường Đại học TDDT Bắc Ninh
3.	Nguyễn Đại Dương	Giáo sư, Tiến sĩ	Trường Đại học TDDT Bắc Ninh
4.	Nguyễn Văn Phúc	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Trường Đại học TDDT Bắc Ninh
5.	Nguyễn Hồng Dương	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Viện Khoa học TDDT
6.	Nguyễn Ngọc Toàn	Tiến sĩ	Cục Bảo trợ Xã hội
7.	Đặng Hà Việt	Tiến sĩ	Trường Đại học TDDT TP. HCM
8.	Võ Văn Vũ	Tiến sĩ	Trường Đại học TDDT Đà Nẵng
9.	Đỗ Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ	Viện Khoa học Lao động và Xã hội
10.	BS. Trần Văn Lý	Bác sĩ	Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1.	Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài		x			x			x	
2.	Báo cáo tóm tắt		x			x			x	
3.	Báo cáo kiến		x			x			x	

	ngợi								
4.	Kỷ yếu Hội thảo khoa học		x			x			x
5.	Báo cáo khoa học thực hiện các nội dung của Đề tài		x			x			x
6.	Báo cáo đoàn ra		x			x			x
7.	Báo cáo xử lý, phân tích số liệu kết quả điều tra, khảo sát		x			x			x
8.	Sách chuyên khảo "Thể dục thể thao thích ứng"		x			x			x
9.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước		x			x			x
10.	Bài báo bài đăng trên tạp chí nước ngoài		x			x			x
11.	Hỗ trợ đào tạo		x			x			x

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1.	Báo cáo kiến nghị	2020	Bộ văn hóa, thể thao và Du lịch; Bộ lao động thương binh xã hội	
2.				

RU
ĐẠI
DỰ
BẮC

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1.				
2.				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận về chính sách và thích ứng đối với NKT trong hoạt động TDTT ở các trung tâm văn hóa đô thị, cũng đánh giá thực trạng chính sách và thích ứng TDTT đối với NKT ở các trung tâm văn hóa đô thị, đề tài đã dự báo và đề xuất chính sách, giải pháp thích ứng đối với NKT trong hoạt động TDTT ở các trung tâm văn hóa đô thị cho tới năm 2030.

Từ những kết quả nghiên cứu, đề tài đã đưa ra những kiến nghị về giải pháp và chính sách thích ứng đối với NKT trong hoạt động TDTT ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030, đó là:

- *Thứ nhất*, ứng dụng các giải pháp thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động TDTT ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030. Bao gồm: 1) Giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức về TDTT cho NKT; 2) Giải pháp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng TDTT cho NKT; 3) Giải pháp mở rộng và phát triển dịch vụ TDTT cho NKT; 4) Giải pháp chăm sóc sức khỏe và PHCN cho NKT; 5) Giải pháp về sản xuất các thiết bị, dụng cụ tập luyện TDTT cho NKT; 6) Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TDTT thích ứng cho NKT; 7) Hỗ trợ và khuyến khích NKT tham gia phong trào TDTT thích ứng và xã hội hóa TDTT cho NKT; 8) Giải pháp về nguồn tài chính cho TDTT thích ứng; 9) Giám sát và đánh giá hiệu quả đối với sự phát triển của TDTT thích ứng;

- *Thứ hai*, bổ sung, điều chỉnh và ban hành mới các chính sách thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động TDTT ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030. Cụ thể là:

+ Bổ sung và điều chỉnh các chính sách khung, điều chỉnh chung liên quan đến Thích ứng TDTT cho NKT (Thống nhất sử dụng khái niệm *thể dục thể thao thích ứng* với đầy đủ nội hàm và ngoại diên của nó trong các văn bản quy phạm pháp luật - Điều 4, 36, 37, 38 - Luật NKT năm 2010; Điều 14, 16 – Luật TDTT 2006).

+ Xây dựng Chiến lược Phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2035. Trong đó có định hướng phát triển TDTT thích ứng cho NKT: Ban hành chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển TDTT thích ứng đối với các đối tượng xã hội đặc biệt, trong đó có người khuyết tật; Ban hành và hướng dẫn thực hiện quy chế hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT thích ứng cho NKT. Ban hành bổ sung các điều kiện đáp ứng nhu cầu tập luyện TDTT thích ứng của NKT trong quy chuẩn xây dựng cơ sở tập luyện, sân bãi thể thao để NKT có thể tham gia thuận lợi; xây dựng ở một số tỉnh, thành phố các Trung tâm huấn luyện thể thao thích ứng cho NKT.

+ Đổi mới và điều chỉnh chính sách, quy định liên quan đến việc thích ứng về TDDT của NKT, bao gồm các chính sách: Chính sách tuyên truyền, nâng cao nhận thức về TDDT cho NKT; Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng TDDT cho NKT; Chính sách cung cấp dịch vụ TDDT cho NKT; Chính sách sản xuất các thiết bị, dụng cụ tập luyện TDDT cho NKT; Chính sách hỗ trợ kinh tế cho NKT và gia đình; Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TDDT thích ứng cho NKT; Chính sách khuyến khích NKT tham gia phong trào TDDT thích ứng và xã hội hóa TDDT cho NKT; Chính sách hỗ trợ thích ứng đối với NKT trong hoạt động TDDT; Chính sách chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho NKT; Chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sản xuất sản phẩm hỗ trợ NKT.

+ Xây dựng đề án “Phát triển thể dục thể thao thích ứng cho người khuyết tật đến năm 2035”. Mục đích của đề án nhằm phát triển đa dạng các loại hình TDDT thích ứng cho NKT trong xã hội trên cơ sở phát triển phong trào TDDT thích ứng trên cả nước, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về TDDT thích ứng, cũng như tăng cường sự quan tâm về TDDT thích ứng của chính quyền các cấp. Thu hút mọi nguồn lực trong xã hội để tăng cường đầu tư phát triển TDDT thích ứng cho NKT, giúp NKT tăng cường sức khỏe, phục hồi thể chất, nâng cao chất lượng cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

- Xác lập được cơ sở khoa học nghiên cứu về TDDT thích ứng cho NKT; kinh nghiệm chính sách của một số quốc gia trên thế giới và bài học áp dụng cho Việt Nam.

- Hệ thống hoá, phân tích và đánh giá kết quả, tác động của các chính sách, giải pháp phát thích ứng đối với NKT trong hoạt động TDDT ở các trung tâm văn hóa đô thị từ năm 2011 đến nay.

- Đánh giá thực trạng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TDDT thích ứng của NKT ở các trung tâm văn hóa đô thị.

- Đề xuất các chính sách, giải pháp thích ứng đối với NKT trong hoạt động TDDT ở các trung tâm văn hóa đô thị cho tới năm 2030.

- Công bố 05 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và 02 bài báo quốc tế.

- Hoàn thành bản thảo 01 sách chuyên khảo chuẩn bị xuất bản phục vụ đào tạo đại học và sau đại học.

- Tham gia đào tạo sau đại học (02 học viên cao học và 01 nghiên cứu sinh).

- Các cán bộ, giảng viên sẽ nâng cao được kỹ năng, nghiệp vụ nghiên cứu khi tham gia các nội dung nghiên cứu của đề tài.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn



- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

- Đạt

- Không đạt

Giải thích lý do: Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và các sản phẩm nghiên cứu đều đạt và vượt mức so với yêu cầu trong hợp đồng.

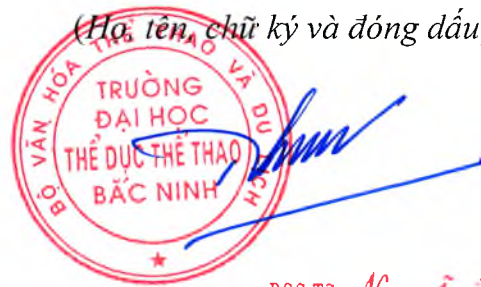
Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

PGS.TS. Đặng Văn Dũng

HIỆU TRƯỞNG

(*Họ tên, chữ ký và đóng dấu*)



PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

